

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thực hiện mua sắm thuốc theo thỏa thuận khung của Sở Y tế Đồng Nai thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025 – 2026

Gói 2: Thuốc Biệt dược gốc

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 24/07/2025 về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ công văn số 6105/UBND-KTNS của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các Thỏa thuận khung để tổ chức, thực hiện mua sắm thuốc, hóa chất vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tập trung tại các cơ sở y tế sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ công văn số 2572/SYT-NV ngày 26/9/2025 của Sở Y tế Đồng Nai về việc tổ chức, thực hiện mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tập trung tại các cơ sở y tế sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ quyết định số 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Thuốc biệt dược gốc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2025 – 2026;

Căn cứ thỏa thuận khung ngày 5/3/2025 về việc cung cấp thuốc Gói thầu số 2 : Thuốc biệt dược gốc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2025 – 2026 ;

Căn cứ công văn số 1395/BVĐKĐN-KD ngày 09/10/2025 về việc mua sắm thuốc theo thỏa thuận khung của Sở Y tế Đồng Nai thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm tập trung thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025-2026;

Căn cứ các văn bản phản hồi của các công ty;

Căn cứ Biên bản họp hoàn thiện hợp đồng Mua thuốc theo thỏa thuận khung còn hiệu lực của gói thầu số 2: Thuốc Biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025-2026 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai và các công ty cung ứng;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại tờ trình số 133/TTr-KD ngày 24/10/2025 về việc phê duyệt kết quả thực hiện mua sắm thuốc theo thỏa thuận khung của Sở Y tế Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kết quả thực hiện mua sắm thuốc theo thỏa thuận khung của Sở Y tế Đồng Nai thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025 – 2026. Gói 2: Thuốc Biệt dược gốc, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị: **33.407.689.116** đồng (Bằng chữ: *Ba mươi ba tỷ bốn trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng*).
2. Danh sách công ty, danh mục thuốc và đơn giá trong *phụ lục đính kèm*.
(Giá trong phụ lục đã bao gồm thuế VAT và phí vận chuyển, giao hàng).
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng được ký đến hết 05/03/2027.
5. Nguồn vốn: nguồn thu BHYT, dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.
6. Đảm bảo thực hiện hợp đồng: 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ít nhất 30 ngày sau khi hợp đồng hết hiệu lực.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như: Điều 3;
- Lưu: VT, Khoa Dược.
(ThaoHTT)



GIÁM ĐỐC

Ngô Đức Tuấn



PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÔNG TY

(Kèm theo Quyết định số: 2908 /QĐ-BVĐKĐN ngày 27/10/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

STT	Công ty	Số lượng mặt hàng	Giá trị (VNĐ)
1	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu TRUNG ƯƠNG 2 (PHYTOPHARMA)	29	15.960.905.398
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	5	3.809.258.700
3	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	10	13.637.525.018
Tổng: 03 công ty		44	33.407.689.116



PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MUA SẮM THUỐC THEO THỎA THUẬN KHUNG SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
Gói 2: Thuốc Biệt dược gốc
(Kèm theo Quyết định số: 2908/QĐ-BVĐKĐN ngày 27/10/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)

STT	Mã phân lô theo E-HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
1	PP240044 4177	Solu-Medrol	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ Act-O-Vial 1ml	VN-20330-17	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	Lọ	10.000	41.871	418.710.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
2	PP240044 4094	Glucophage	Metformin	1000mg	Uống	Viên nén bao phim bề được	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-16517-13	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	156.700	3.703	580.260.100	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
3	PP240044 4095	Glucophage 500mg	Metformin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-21993-19	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	37.000	1.598	59.126.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
4	PP240044 4097	Glucophage XR 1000mg	Metformin	1000mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	30011001 6324	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	60.000	4.843	290.580.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
5	PP240044 4109	Janumet 50mg/1000mg	Sitagliptin + metformin	50mg, 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	00111099 9324 (VN-17101-13)	Patheon Puerto Rico, Inc; đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V.	Puerto rico	Viên	40.400	10.643	429.977.200	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
6	PP240044 4110	Janumet 50mg/500mg	Sitagliptin + metformin	50mg, 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	00111099 9424 (VN-17102-13)	Patheon Puerto Rico, Inc.; đóng gói tại Merck Sharp & Dohme B.V.	Puerto rico	Viên	7.800	10.643	83.015.400	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai

STT	Mã phần lô theo E- HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
7	PP240044 4112	Januvia 100mg	Sitagliptin	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	VN- 20316-17	Organon Pharma (UK) Limited	Anh	Viên	3.240	17.311	56.087.640	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
8	PP240044 4115	Ketosteril	Calci-3-methyl-2-oxovalerat + calci-4-methyl-2-oxovalerat + calci-2-oxo-3-phenylpropionat + calci-3-methyl-2-oxobutytrat + calci-DL-2-hydroxy-4-methylthiobutytrat + L-lysin acetat + L-threonin + L-tryptophan + L-histidin + L-tyrosin (*)	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanine), muối calci 101,0 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 20 viên nén bao phim	VN- 16263-13	Labesfal - Laboratórios Almiro, S.A	BỒ ĐÀO NHA	Viên	63.400	14.200	900.280.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
9	PP240044 4044	Brilinta	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	VN- 19006-15	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	93.320	15.873	1.481.268.360	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
10	PP240044 4198	Unasyn	Ampicilin + sulbactam	0.5g ;1g	Tiêm truyền	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Hộp 1 lọ	VN- 20843-17	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Lọ	10.000	65.999	659.990.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai

STT	Mã phần lô theo E- HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
11	PP240044 4196	Tygacil	Tigecyclin*	50mg	Truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	VN- 20333-17	Wyeth Lederle S.r.l	Ý	Lọ	400	731.000	292.400.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Uơng 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
12	PP240044 4189	Tazocin	Piperacilin + tazobactam	4g, 0.5g	Truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	80011007 4023	Wyeth Lederle S.r.l	Ý	Lọ	1.300	223.700	290.810.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Uơng 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
13	PP240044 4038	Avodart	Dutasterid	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	VN- 17445-13	Delpharm Poznań S.A.	Ba lan	Viên	83.510	17.257	1.441.132.070	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Uơng 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
14	PP240044 4060	Concor Cor	Bisoprolol	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	VN- 18023-14	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSĐG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	ĐỨC	Viên	136.000	3.147	427.992.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Uơng 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
15	PP240044 4073	Diovan 160	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	VN- 18398-14	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	8.956	14.868	133.157.808	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Uơng 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
16	PP240044 4042	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vi x 14 viên	73011002 2123	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	50.000	5.490	274.500.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Uơng 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai

STT	Mã phân lô theo E-HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
17	PP240044 4084	Exforge HCT 10mg/160mg/12.5 mg	Amlodipin + valsartan + hydrochlorothiazid	10mg + 160mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	84011003 2023	Siegfried Barbera, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	60.000	18.107	1.086.420.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
18	PP240044 4068	Daflon 500mg	Diosmin + hesperidin	450mg; 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	VN-22531-20	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	207.820	3.886	807.588.520	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
19	PP240044 4025	Anzatax 150mg/25ml	Paclitaxel	150mg/25 ml	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 25ml	VN-20847-17	Hospira Australia Pty Ltd	Úc	Lọ	150	3.173.573	476.035.950	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
20	PP240044 4026	Anzatax 30mg/5ml	Paclitaxel 30mg/5ml	30mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 5ml	93011413 2624	Hospira Australia Pty Ltd	Úc	Lọ	150	754.110	113.116.500	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
21	PP240044 4172	Sevorane	Sevofluran	250ml	Dạng hít	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Hộp 1 chai 250ml	80011403 4723	Abbvie S.r.l	Ý	Chai	300	3.578.500	1.073.550.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
22	PP240044 4043	Bridion	Sugammadex	200mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 2ml	00111052 6924	Patheon Manufacturing Services LLC; đóng gói tại: N.V. Organon	Mỹ	Lọ	900	1.814.340	1.632.906.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
23	PP240044 4118	Lipanthyl 200M	Fenofibrat	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-17205-13	Astrea Fontaine	Pháp	Viên	17.780	7.053	125.402.340	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai

STT	Mã phân lô theo E-HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
24	PP240044 4119	Lipanthyl NT 145mg	Fenofibrat	145mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-21162-18	Fournier Laboratories Ireland Limited. Đóng gói và xuất xưởng: Astrea Fontaine	Ireland	Viên	31.920	10.561	337.107.120	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
25	PP240044 4120	Lipitor	Atorvastatin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-17768-14	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Mỹ	Viên	53.990	15.941	860.654.590	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
26	PP240044 4152	Pantoloc 40mg	Pantoprazol	40mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 1 vỉ x 7 viên	40011008 1723	Takeda GmbH	ĐỨC	Viên	30.400	18.499	562.369.600	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
27	PP240044 4137	Neupogen	Filgrastim	30 MU/0,5ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml	QLSP-1070-17	Amgen Manufacturing Limited	Mỹ	Bơm tiêm	600	558.047	334.828.200	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
28	PP240044 4199	Vastarel MR	Trimetazidin	35mg	Uống	viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Hộp 2 vỉ x 30 viên	VN-17735-14	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	240.000	2.705	649.200.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
29	PP240044 4032	Aromasin	Exemestan	25mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-20052-16	Pfizer Italia S.R.L	Ý	Viên	1.000	82.440	82.440.000	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Trung Ương 2 (PHYTOPHARMA)	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
30	PP240044 4113	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN2-605-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	ĐỨC	Viên	15.950	23.072	367.998.400	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai

STT	Mã phân lô theo E-HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
31	PP240044 4114	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN2-606-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	ĐỨC	Viên	36.100	26.533	957.841.300	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
32	PP240044 4145	Novorapid FlexPen	Insulin aspart (rDNA) 300 IU/3ml	300U/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	QLSP-963-16	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Bút tiêm	1.275	225.000	286.875.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
33	PP240044 4103	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Mỗi 3ml chứa: Insulin lispro (trong đó 25 % là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine) 300U (tương đương 10,5mg)	300U (tương đương 10,5mg)/3 ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	QLSP-1088-18	Lilly France	Pháp	Bút tiêm	10.000	178.080	1.780.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
34	PP240044 4131	Micardis	Telmisartan	80mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22996-22	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	Viên	28.000	14.848	415.744.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
35	PP240044 4070	Depakine Chrono	Valproat natri + valproic acid	333,00mg; 145,00mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-16477-13	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	Viên	100000	6972	697.200.000	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
36	PP240044 4144	No-Spa forte	Drotaverin clohydrat	80mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	59911003 3523	Chinoïn Pharmaceutical And Chemical Works Private Co. Ltd.	Hungary	Viên	3.200	1.158	3.705.600	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
37	PP240044 4075	Duoplavin	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	100mg; 75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	30011079 3024	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	52.000	20.828	1.083.056.000	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai

STT	Mã phần lô theo E-HSMT của SYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu	Ghi chú
38	PP240044 4156	Plavix 75mg	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16229-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	449.410	16.819	7.558.626.790	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
39	PP240044 4212	Xatral XL 10mg	Alfuzosin	10mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ x 30 viên	VN-22467-19	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	140.000	15.291	2.140.740.000	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
40	PP240044 4028	Aprovel	Irbesartan	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16719-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	83.900	9.561	802.167.900	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
41	PP240044 4056	CoAprovel	Irbesartan + hydrochlorothiazid	150mg; 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-16721-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	4.400	9.561	42.068.400	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
42	PP240044 4187	Taxotere	Docetaxel	80mg/4ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 4ml	VN-20266-17	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	ĐỨC	Lọ	27	6.298.864	170.069.328	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
43	PP240044 4155	Phosphalugel	Aluminum phosphat	12,38g/gói 20g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 26 gói x 20g	30010000 6024	Pharmatis	Pháp	Gói	50.000	4.014	200.700.000	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
44	PP240044 4123	Lovenox	Enoxaparin (natri)	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4 ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	30041003 8223	Sanofi Winthrop Industrie.	Pháp	Bơm tiêm	11.000	85.381	939.191.000	Công Ty TNHH Dược Phẩm và TTBYT Hoàng Đức	Quyết định 140/QĐ-SYT ngày 27/2/2025 của Sở Y tế Đồng Nai
Tổng: 44 mặt hàng														33.407.689.116		